

Số: 2614/2014/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 27 tháng 11 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1125/TTr-SCT ngày 02/10/2014; Báo cáo thẩm định số 37/BCTĐ-STP ngày 30/9/2014 của Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014-2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT; các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PVP UBND TP;
- CV: CN, TC, NN, DN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Anh Điền**

## **QUY CHẾ**

### **Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2614/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm  
2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cơ quan quản lý Chương trình;
- b) Cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ;
- c) Các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình;
- d) Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.

#### **Điều 2. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố**

1. Phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020.

2. Đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

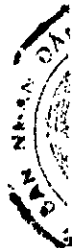
3. Kinh phí xúc tiến thương mại thành phố do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được bổ sung để sử dụng trong năm tiếp theo.

#### **Điều 3. Mục tiêu Chương trình xúc tiến thương mại thành phố**

Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển xuất khẩu; thị trường trong nước; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố theo từng thời kỳ, nhằm:

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu đối với những lĩnh vực và mặt hàng có thế mạnh của thành phố, đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu. Phân đấu đến năm 2015 giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 4-4,5 tỷ USD và đạt 10 tỷ USD vào năm 2020.

2. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nội địa (trong và ngoài thành phố) đối với các sản phẩm có thương hiệu của thành phố;



củng cố và phát triển thương mại nông thôn, hải đảo. Phần đầu đến năm 2015 tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội đạt 80.000 tỷ đồng và năm 2020 tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội đạt 95.000 – 100.000 tỷ đồng.

3. Tạo cơ hội, khuyến khích mở rộng loại hình, quy mô sản xuất và nâng cao chất lượng, thương hiệu, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất - kinh doanh sản phẩm có lợi thế của thành phố.

4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại và đẩy mạnh các hoạt động giao thương giữa doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, hộ nông dân với các chợ đầu mối bán buôn và các siêu thị;

5. Tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao lợi thế thương mại một số sản phẩm chủ lực của thành phố.

#### **Điều 4. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình**

1. Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ như sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương phổ biến định hướng phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước, nước ngoài và thương mại hải đảo theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn xây dựng các đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này;

c) Đánh giá sơ bộ các đề án và tổng hợp gửi Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Quy chế này;

d) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình;

đ) Quản lý kinh phí hoạt động xúc tiến thương mại của thành phố;

e) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định Chương trình (gọi tắt là Hội đồng thẩm định) xúc tiến thương mại của thành phố.

Thành phần của Hội đồng thẩm định gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Công Thương làm Phó Chủ tịch, các Sở, ngành liên quan là thành viên.

Hội đồng có nhiệm vụ thẩm định các đề án của Chương trình xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì xây dựng và ý kiến đề xuất của Sở Công Thương.

Hội đồng có thể mời hoặc tham khảo ý kiến các chuyên gia phục vụ công tác thẩm định.

#### **Điều 5. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (gọi tắt là đơn vị chủ trì) bao gồm: Trung tâm Xúc tiến phát triển thương mại thuộc Sở Công Thương, Hiệp hội ngành nghề, các tổ chức xúc tiến thương mại chính phủ, phi chính phủ, các đơn vị có chức năng hỗ trợ doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, ngành hàng, Liên minh Hợp tác xã và doanh nghiệp thành phố... có đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu tại Quy chế này và được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt sau khi Hội đồng thẩm định trình duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;
- d) Có chiến lược phát triển ngành hàng cụ thể trên thị trường mục tiêu;
- đ) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

e) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 6. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, các tổ chức xúc tiến thương mại trên địa bàn thành phố, được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành, có ngành nghề, thị trường, mặt hàng, sản phẩm phù hợp với mục tiêu của Chương trình. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các nội dung xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

#### **Điều 7. Kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách thành phố cấp hàng năm theo kế hoạch;
- b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương;

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.

#### **Điều 8. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại thành phố**

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí xúc tiến thương mại thành phố và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công Thương, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Kinh phí còn dư (nếu có) sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố điều chuyển vào các nội dung của Chương trình đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí hoặc các đề án mới.

2. Sau khi được Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định giao ngân sách năm, Giám đốc Sở Công Thương tổ chức triển khai Chương trình theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nội dung của Chương trình không vượt quá tổng dự toán được phê duyệt và có trách nhiệm tổng hợp và làm đầu mối thanh quyết toán với ngân sách các khoản chi hỗ trợ từ kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm.

3. Sở Tài chính chủ trì có trách nhiệm thông báo dự toán chi ngân sách cho Chương trình xúc tiến thương mại của thành phố và phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại thành phố theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ**

#### **Điều 9. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu**

1. Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ đẩy mạnh xuất khẩu trọng điểm theo các ngành hàng lợi thế của thành phố.

2. Tuyên truyền xuất khẩu:

a) Quảng bá hình ảnh sản phẩm, ngành hàng và dịch vụ của Hải Phòng ra thị trường nước ngoài;

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông trong và ngoài nước đến Hải Phòng để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu của Hải Phòng;

3. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn, thiết kế mẫu mã hàng hóa, phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm thương hiệu Hải Phòng (kể cả nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường), phát triển xuất khẩu (kể cả hỗ trợ áp dụng hệ thống tiêu chuẩn theo ISO 9000, ISO 14000, HACCP, SA 8000), thâm nhập thị trường nước ngoài, chi phí hỗ trợ, gồm:

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn.

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho các doanh nghiệp.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho:

- a) Các tổ chức xúc tiến thương mại.
- b) Doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại tại nước ngoài:

Tổ chức gian hàng thành phố Hải Phòng tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài (gồm chi phí gian hàng, trang trí tổng thể khu vực hội chợ, gian hàng thành phố, tổ chức hội thảo và trình diễn sản phẩm (nếu có), chi phí tuyên truyền và quảng bá tổ chức hội chợ, công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức) trong các trường hợp sau:

a) Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là 12 (mười hai) gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và tối thiểu 12 (mười hai) doanh nghiệp tham gia;

b) Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 07 (bảy) gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và tối thiểu 07 (bảy) doanh nghiệp tham gia.

6. Tổ chức hội chợ triển lãm trên địa bàn thành phố Hải Phòng nhằm phát triển xuất khẩu:

a) Tổ chức hội chợ đa ngành (gồm chi phí cấu thành gian hàng, chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng, dịch vụ điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, khai mạc, bế mạc, hội thảo, quản lý, tuyên truyền, quảng bá tổ chức hội chợ...) với quy mô tối thiểu là 200 gian hàng tiêu chuẩn và 100 doanh nghiệp tham gia.

b) Tổ chức hội chợ chuyên ngành (gồm chi phí cấu thành gian hàng, chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng, dịch vụ điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, khai mạc, bế mạc, hội thảo, quản lý, tuyên truyền và quảng bá tổ chức hội chợ...) với quy mô tối thiểu là 100 gian hàng tiêu chuẩn và 70 doanh nghiệp tham gia.

7. Tổ chức đoàn giao thương tại nước ngoài (chi phí tham gia hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao thương với đoàn giao dịch thương mại của Hải Phòng tại nước ngoài; công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì tổ chức đoàn đi) trong các trường hợp sau:

a) Đoàn đa ngành có tối thiểu 15 (mười lăm) doanh nghiệp tham gia;

b) Đoàn chuyên ngành có tối thiểu 07 (bảy) doanh nghiệp tham gia.

c) Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp, hội thảo (thương mại kết hợp đầu tư) nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của Hải Phòng ra nước ngoài, đồng thời thu hút nhà đầu tư nước ngoài đến Hải Phòng.

8. Tổ chức hội thảo giao thương giữa đoàn doanh nghiệp nước ngoài với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng (gồm chi phí tổ chức giao dịch thương mại: chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, tuyên truyền quảng bá; công tác phí cho cán bộ đơn vị

chủ trì đi cùng đoàn để thực hiện công tác tổ chức).

9. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

**Điều 10. Nội dung chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước**

1. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước, gồm:

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng chủ lực, thiết yếu;  
b) Nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối; đề án phát triển các loại hình bán lẻ văn minh và hiện đại; xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước;

c) Xuất bản các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn ngắn hạn:

a) Nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, cán bộ, công chức, viên chức;

b) Kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ, mạng lưới phân phối;

c) Hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể hoạt động trong những ngành đặc thù;

4. Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp Hải Phòng nói riêng đến người tiêu dùng trên địa bàn thành phố.

5. Tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, hải đảo, các khu cụm công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, đa ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn thành phố.

6. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại nhằm phát triển thị trường nội địa:

a) Tháng khuyến mại;

b) Tuần hàng Việt Nam;

c) Chương trình hàng Việt;

d) Chương trình giới thiệu sản phẩm mới;

e) Các sự kiện khác.

7. Các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường khác do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

## **Điều 11. Mức hỗ trợ kinh phí**

1. Mức hỗ trợ đối với nội dung chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu trên địa bàn thành phố như sau:

a) Hỗ trợ 50% các khoản chi phí áp dụng cho các nội dung quy định tại:

- Điểm b, Khoản 4, Điều 9 của Quy chế này với nội dung đào tạo, tập huấn ngắn hạn nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho các đối tượng là doanh nghiệp và hợp tác xã;

- Khoản 6, Điều 9 của Quy chế này gồm các chi phí (sau khi trừ các khoản thu từ các hoạt động khai thác khác tại hội chợ triển lãm): Thuê mặt bằng, thiết kế và dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, trật tự (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); Trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị; chi phí tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hội chợ triển lãm theo hợp đồng phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng;

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 5 Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính nhưng không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

b) Hỗ trợ 70% các khoản chi phí áp dụng cho các nội dung quy định tại:

- Khoản 1, Điều 9 của Quy chế này gồm các chi phí theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 88/2011/TT-BTC nhưng không quá 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin;

- Khoản 2, Điều 9 của Quy chế này gồm các chi phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 88/2011/TT-BTC;

- Điểm a, Khoản 3, Điều 9 của Quy chế này gồm chi phí hợp đồng trọn gói thuê chuyên gia phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài”;

c) Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Điểm b, Khoản 3, Điều 9 của Quy chế này về tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp bao gồm chi phí chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, nhân bản tài liệu tư vấn, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia nhưng không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia;

- Điểm a, Khoản 4, Điều 9 của Quy chế này với nội dung đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại đối với các tổ chức xúc tiến thương mại gồm các khoản: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên theo định mức chi quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công



tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hoặc học phí trọn gói của khóa học.

- Khoản 5, Điều 9 của Quy chế này với nội dung tổ chức gian hàng thành phố Hải Phòng tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài gồm các khoản chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của gian hàng thành phố; chi phí tuyên truyền và quảng bá tổ chức hội chợ; chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm: Chi phí thuê hội trường, thiết bị (nếu có); công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình;

- Khoản 7, Điều 9 của Quy chế này gồm các chi phí vé máy bay khứ hồi cho các đơn vị tham gia thực hiện chương trình; tổ chức hội thảo giao thương: thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, thù lao báo cáo viên, tài liệu, biên dịch, phiên dịch; công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình theo quy định của pháp luật.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

- Khoản 8, Điều 9 của Quy chế này gồm các chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài;

2. Mức hỗ trợ đối với nội dung chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước như sau:

a) Hỗ trợ 50% các khoản chi phí:

- Khoản 4, Điều 10 của Quy chế này bao gồm các chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); chi phí quản lý; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; tổ chức hội thảo: chi phí thuê hội trường, thiết bị; chi phí tuyên truyền và quảng bá bao gồm cả trên các phương tiện thông tin đại chúng về hội chợ triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 đơn vị sản xuất, kinh doanh tham gia;

- Khoản 6, Điều 10 của Quy chế này đối với nội dung tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại nhằm phát triển thị trường nội địa: tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới bao gồm các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án và trong phạm vi khoản chi phí quy định tại Điểm b và Điểm c, Khoản 2, Điều 11 của Quy chế này với mức hỗ trợ tương ứng.

b) Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

- Khoản 5, Điều 10 của Quy chế này với nội dung tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị bao gồm các chi phí vận chuyển; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, trang trí, âm thanh, ánh sáng, bảo vệ; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng. Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

c) Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Khoản 1, Điều 10 của Quy chế này với nội dung điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước gồm các chi phí theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 88/2011/TT-BTC nhưng không quá 950.000 đồng (chín trăm năm mươi ngàn đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin;

- Khoản 2, Điều 10 của Quy chế này với nội dung “Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)/1 chuyên đề tuyên truyền;

- Khoản 3, Điều 10 của Quy chế này bao gồm các chi phí và định mức chi theo quy định tại gồm các chi phí theo quy định tại Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 88/2011/TT-BTC;

- Khoản 5, Điều 10 của Quy chế này với nội dung thực hiện các chương trình đưa hàng Việt đến vùng hải đảo chi phí tổ chức bán hàng bao gồm: thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh; chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hoá. Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

3. Không hỗ trợ các nội dung hoạt động xúc tiến thương mại đang được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí xúc tiến thương mại khác;

### **Chương III**

## **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **Điều 12. Xây dựng đề án xúc tiến thương mại thành phố hàng năm**

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng đề án và trực tiếp gửi Đăng ký đề án đến Sở Công Thương trước ngày 31/5 của năm trước năm kế hoạch.

Hồ sơ Đăng ký gồm:

a) Công văn Đăng ký tổ chức thực hiện đề án của đơn vị chủ trì (01 bản chính);

b) Hồ sơ về đơn vị chủ trì, gồm:

- Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Bản thuyết minh về Chiến lược phát triển ngành hàng cụ thể trên thị trường mục tiêu; khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện đề án; kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại (bản chính)

c) Đề án xúc tiến thương mại (01 bản chính).

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

2. Trường hợp một đơn vị chủ trì đăng ký nhiều hơn một đề án, hồ sơ đăng ký gồm:

- a) Các loại giấy tờ được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này;
- b) Danh sách các đề án (01 bản chính);
- c) Các đề án xúc tiến thương mại ( mỗi đề án 01 bản chính).

3. Các đề án xúc tiến thương mại thành phố phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị tham gia chương trình;
- b) Phù hợp với định hướng phát triển xuất khẩu của thành phố và mặt hàng hỗ trợ phát triển xuất khẩu;
- c) Phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng;
- d) Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy chế này;

đ) Đảm bảo tính khả thi về nội dung, phương thức triển khai, thời gian và tiến độ triển khai, nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.

e) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 02 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung xúc tiến thương mại và kinh phí cho từng năm.

### **Điều 13. Thẩm định và phê duyệt đề án**

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương ra thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận đề án gửi đơn vị đăng ký đề án.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu đơn vị có đề án đăng ký thực hiện sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, đơn vị đăng ký đề án phải hoàn thành hồ sơ theo yêu cầu của Sở Công Thương.

2. Sở Công Thương phải tiến hành đánh giá sơ bộ về đề án theo các nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Quy chế này. Chậm nhất vào ngày 31/8 của năm trước năm kế hoạch, Sở Công Thương lập Danh sách các đề án và các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi Hội đồng thẩm định và tổng hợp kết quả, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Quyết định phê duyệt đề án được đồng gửi cho đơn vị chủ trì để triển khai thực hiện.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Công Thương**

- 1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
- 2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm chương trình được thực hiện có hiệu quả, đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.

4. Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.

5. Trên cơ sở giải trình và kiến nghị của đơn vị chủ trì, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt việc thay đổi nội dung các đề án đã được phê duyệt, chấm dứt việc thực hiện Chương trình trong trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành đề án trong năm kế hoạch.

6. Trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án đối với những đơn vị chủ trì và đơn vị tham gia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tiến độ đề án.

7. Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

8. Đình chỉ tham gia Chương trình trong 3 năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều 17 Quy chế này.

**Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị có liên quan**

Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại thành phố, nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại với các tỉnh, thành trong nước và nước ngoài.

**Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì**

1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và dự toán; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Lựa chọn đơn vị tham gia thực hiện đề án phù hợp với tiêu chí theo quy định. Đối với đề án có nhiều đơn vị tham gia, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung cụ thể của đề án.

3. Các đơn vị chủ trì thường xuyên báo cáo tình hình và tiến độ thực hiện đề án; đánh giá kết quả thực hiện đề án; kiến nghị đề xuất (nếu có) gửi về Sở Công Thương chậm nhất là 10 ngày làm việc sau khi kết thúc đề án.

4. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

5. Báo cáo Sở Công Thương đối với những trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành đề án xúc tiến thương mại trong năm kế hoạch.

6. Giải trình lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh chương trình đến Sở Công Thương trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm

dứt đề án đã được phê duyệt.

**Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

1. Phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.
2. Có trách nhiệm báo cáo tình hình, đánh giá kết quả thực hiện của đơn vị và kiến nghị đề xuất (nếu có) về đơn vị chủ trì chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi kết thúc đề án để tổng hợp báo cáo Sở Công Thương.
3. Cung cấp đầy đủ chứng từ và chịu trách nhiệm về nội dung chi phí; phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi đề án kết thúc.

**Điều 18. Xử lý vi phạm**

Các đơn vị, tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, ngoài việc gửi cho các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các hiệp hội ngành nghề và các đơn vị có liên quan sẽ được thông báo trên website <http://www.congthuonghp.gov.vn/>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Anh Điền**